

Tình hình xây dựng phát triển kiến trúc nhà ở các dân tộc thiểu số trên thế giới và bài học kinh nghiệm tại Việt Nam

The situation of housing architecture development among ethnic minorities worldwide and lessons learned for Vietnam

> THS NGUYỄN NGỌC HƯƠNG

Bộ môn Lý thuyết và lịch sử kiến trúc, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
Email: huongnn@huce.edu.vn

TÓM TẮT

Nhà ở dân tộc thiểu số (DTTS) không chỉ thể hiện sự thích ứng với môi trường sống mà còn phản ánh bản sắc văn hóa độc đáo thông qua vị trí cư trú, hình thức kiến trúc, vật liệu địa phương, kỹ thuật xây dựng và cách tổ chức không gian sinh hoạt. Kiến trúc nhà ở của các DTTS trên thế giới rất đa dạng, từ nhà sàn bằng gỗ, nhà bằng đá ở núi cao khu vực Đông Nam Á, đến các ngôi nhà bằng gỗ mái cỏ, mái rạ ở châu Âu,... Nhà ở DTTS phản ánh sự thích nghi linh hoạt với điều kiện khí hậu, địa hình và nguồn tài nguyên sẵn có, đồng thời thể hiện các giá trị văn hóa, tín ngưỡng và phong tục tập quán đặc trưng. Ngày nay, trước sức ép của đô thị hóa, hiện đại hóa, việc bảo tồn, kế thừa và phát huy kiến trúc truyền thống DTTS đang đối mặt với nhiều thách thức. Nhằm gìn giữ những giá trị này, nhiều quốc gia đã triển khai các chính sách hỗ trợ cải thiện điều kiện sống của cộng đồng DTTS như xây dựng lại nhà ở, bảo vệ bản sắc kiến trúc truyền thống, thúc đẩy để tạo sinh kế bền vững, góp phần duy trì và phát huy giá trị văn hóa nhà ở của các DTTS.

Bài báo nghiên cứu về tình hình xây dựng phát triển kiến trúc nhà ở các DTTS trên thế giới nhằm đưa ra những bài học kinh nghiệm có thể áp dụng tại Việt Nam. Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: tổng hợp, phân tích và đánh giá thực tiễn.

Từ khóa: Nhà ở DTTS; bài học kinh nghiệm; tình hình xây dựng và phát triển.

ABSTRACT

Ethnic minority housing not only demonstrates adaptation to the living environment but also embodies a distinctive cultural identity through settlement patterns, architectural forms, local materials, construction techniques, and spatial organization. The architecture of ethnic minority housing worldwide is highly diverse, ranging from wooden stilt houses and stone dwellings in the highlands of Southeast Asia to thatched-roof wooden houses in Europe. These dwellings reflect a flexible adaptation to climate conditions, topography, and available resources while simultaneously expressing cultural values, beliefs, and traditional customs. In the face of urbanization and modernization, the preservation, inheritance, and promotion of traditional ethnic minority architecture encounter numerous challenges. To safeguard these cultural values, various nations have implemented policies to improve the living conditions of ethnic minority communities through housing reconstruction, the preservation of architectural heritage, and the promotion of sustainable livelihoods. These efforts contribute to maintaining and enhancing the cultural significance of ethnic minority housing.

This study examines the development of ethnic minority housing architecture worldwide to derive lessons applicable to Vietnam. The research employs methodologies such as synthesis, analysis, and practical evaluation.

Keywords: Ethnic minority housing; lessons learned; construction and development trends.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nước ta có 54 dân tộc với 53 DTTS, đại bộ phận DTTS sống ở vùng núi, vùng sâu vùng xa. Hình thức kiến trúc nhà ở truyền thống rất đa dạng, mang tính đặc trưng của từng dân tộc như dân tộc Thái,

Mường, Tày gắn với hình ảnh nhà sàn, nhà H'Mông là nhà đất; nhà người Hà Nhì, Dao, Nùng, Giáy là nhà nửa sàn nửa trệt. Nhà ở DTTS không chỉ phản ánh điều kiện tự nhiên, tập quán sinh hoạt mà còn gắn liền với các yếu tố kinh tế - xã hội. Hiện nay, xã hội đang phát

triển nhanh, dưới sức ép của đô thị hóa, hiện đại hóa, sự biến đổi về văn hóa, phong tục tập quán đã xuất hiện len lỏi trong từng bản làng miền núi. Với sự giao thoa văn hóa mạnh mẽ và tiếp cận nhiều với văn hóa dưới xuôi khiến cho đại bộ phận cộng đồng DTTS không có nhu cầu xây dựng nhà ở truyền thống. Bên cạnh đó, nhà ở truyền thống không đáp ứng được nhu cầu mới của cuộc sống bao gồm mức phí xây dựng cao, diện tích đất bị thu hẹp, công năng sử dụng chưa hợp lý với nhu cầu mới... Điều này có thể nhận thấy rõ tại khu vực miền núi phía Bắc, nhà ở truyền thống của nhiều DTTS đang bị xóa bỏ, thay vào đó là những ngôi nhà trệt dưới xuôi, bản làng miền núi đang thay đổi nhanh chóng. Điều tra khảo sát tại xã Cao Sơn, huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình, là nơi cư trú lâu năm của dân tộc Mường. Trong đó, xóm Cao chỉ còn 11 nhà sàn bao gồm nhà sàn truyền thống và nhà sàn xây mới trên tổng số 208 nhà; xóm Hui còn 6 trên 189 ngôi nhà, xóm Thành Sơn là 7 trên 243 ngôi nhà. Đây là một con số đáng báo động khi nhà ở truyền thống, nhà ở bản địa đã bị thay thế gần như hoàn toàn thành dạng nhà ở người Kinh.

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã triển khai các biện pháp nhằm bảo vệ và phát triển kiến trúc nhà ở truyền thống của các DTTS như xây dựng các chính sách bảo tồn văn hóa, chiến dịch xóa đói giảm nghèo, xây dựng nhà ở cộng đồng DTTS, phát triển du lịch văn hóa, ... Những biện pháp này không chỉ giúp bảo tồn kiến trúc nhà ở truyền thống mà còn góp phần duy trì và phát huy bản sắc văn hóa độc đáo của các DTTS trên toàn cầu. Tại Việt Nam, hiện nay, chính sách xóa nhà tạm được triển khai trên toàn tỉnh thành, những ngôi nhà mới được dựng lên, tuy nhiên số lượng nhà truyền thống được xây dựng lại rất ít so với loại hình nhà trệt.

Từ những tồn tại thực tiễn nêu trên, cần thiết nghiên cứu về tình hình xây dựng phát triển kiến trúc nhà ở DTTS trên thế giới để rút ra các bài học kinh nghiệm về tổ chức không gian kiến trúc làng bản, xây dựng nhà ở, và quản lý có thể áp dụng tại Việt Nam.

2. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC NHÀ Ở CÁC DTTS TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

- Tại Trung Quốc

Đất nước có 56 dân tộc, trong đó dân tộc Hán chiếm 91.96%, và 55 DTTS như Choang, Mông Cổ, Hồi, Tây Tạng, Duy Ngô Nhĩ, Miêu,... DTTS của Trung Quốc chủ yếu phân bố ở vùng núi cao, địa hình phức tạp như vùng núi tây bắc, bắc, đông bắc, nam và tây nam Trung Quốc như Nội Mông, Tân Cương, Ninh Hạ, Quảng Tây, Tây Tạng, Vân Nam, Quý Châu, .. với đặc điểm cư trú đa dạng bao gồm: phân tán, tập trung trên diện rộng, và sống xen kẽ nhiều dân tộc [1]. Tây Nam và Tây Bắc là hai vùng có nhiều DTTS sinh sống nhất. Gần 70% dân số DTTS của cả nước sinh sống ở 12 tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương phía Tây, và gần 60% dân số DTTS của cả nước sinh sống ở 9 tỉnh biên giới và khu tự trị [1].

Hình thái cư trú được hình thành do sự tác động qua lại và lưu chuyển giữa các tộc người trong quá trình phát triển lịch sử lâu dài. Làng bản, nhà ở DTTS là sự kết tinh của văn hóa kiến trúc dân tộc, được hình thành trong quá trình hàng ngàn năm của nền văn minh canh tác Trung Hoa, được bảo tồn tương đối trọn vẹn bản sắc văn hóa, được miêu tả dưới những công trình kiến trúc riêng biệt, phản ánh trực tiếp điều kiện sống của các dân tộc trong các thời kỳ lịch sử và các điều kiện xã hội như kinh tế, thể chế, quan hệ sản xuất,... Các ngôi làng thường được bao bọc bởi núi rừng, cánh đồng với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ. Nhà ở thuận theo địa hình tự nhiên, con đường quanh co uốn lượn theo đồi núi, được dựng bởi vật liệu địa phương như nhà gỗ, đất, đá,...

Bên cạnh những bản làng thuận tiện đường sá giao thông, được đầu tư phát triển du lịch thì phần lớn các làng DTTS thường nằm ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện còn khó khăn, nghèo đói, dưới tác động

của nhiều yếu tố, nhà ở truyền thống bị thay thế bởi những ngôi nhà đơn sơ, giá thành thấp, bản sắc dân tộc, bản sắc nông thôn của các làng đang nhanh chóng mất đi.



Làng người Miêu- Quý Châu, nhà sàn gỗ [2]



Làng người Miêu- Quý Châu, nhà sàn gỗ [2]



Người Gelao (Cờ Lao) - Làng Longtan ở huyện Wuchuan, Quý Châu, sống ở các khu vực núi cao, với ngôi nhà được xây dựng vật liệu đá [2]



Làng Đại Trại (Dazhai)- dân tộc Choang, Quý Lâm, Quảng Tây, với ruộng bậc thang Longji [3]



Nhà ở DT Ngô Bồ Y, Buyi, Quý Châu, Shitouzhai. Những ngôi làng được dựng lên bằng đá, mái đá [4]



Làng Baibei - huyện Rongjiang, Quý Châu. Có vị trí vùng sâu vùng xa, khó tiếp cận, nghèo đói.

Nguồn: John Meckley, flickr 2008

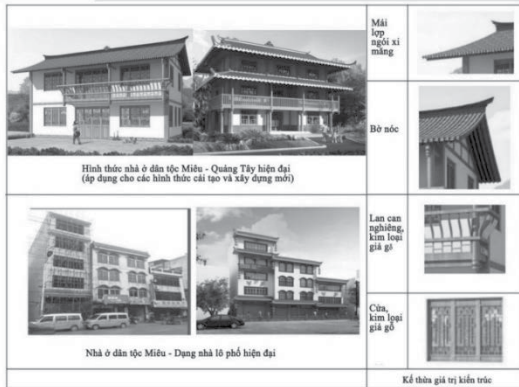
Hình 1. Một số hình ảnh về nhà ở, làng DTTS ở Trung Quốc

Kể từ khi Trung Quốc cải cách và mở cửa vào năm 1978, đặc biệt là bắt đầu chương trình phát triển phía Tây của Trung Quốc vào năm 2000, Trung Quốc ban hành nhiều chính sách phát triển kinh tế tại các khu vực DTTS như Đại khai phá miền Tây, chiến lược Hưng biên phú dân,... các chính sách này nhằm thúc đẩy các khu vực DTTS vùng miền núi, từng bước xóa đói giảm nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng, thông tin liên lạc, internet điều chỉnh cơ cấu kinh tế, phát triển khoa học giáo dục, tăng cường năng lực. Năm 2011, Ủy ban dân tộc Trung ương ban hành thông tư về Đề cương Kế hoạch "Bảo vệ và phát triển làng DTTS có bản sắc riêng (2011-2015) [5], một trong năm nhiệm vụ chính là Tập trung thúc đẩy việc bảo vệ và xây dựng các công trình nhà ở. Năm 2016, Quốc vụ viện Trung Quốc triển khai chương trình "Quy hoạch phát triển các khu vực dân tộc và các dân tộc có dân số ít trong giai đoạn kế hoạch 5 năm lần thứ 13 (2016-2020)" nhằm thúc đẩy các khu vực DTTS và định hướng quy hoạch phát triển các khu vực DTTS ít người. Năm 2018, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc vụ viện đã ban hành "Quy hoạch Chiến lược Phục hưng Nông thôn (2018-2022)".

Với nhiều chính sách hỗ trợ DTTS về văn hóa, kinh tế, xã hội, việc thực hiện công cuộc cải cách đổi mới xóa đói giảm nghèo, ổn định an cư đã được diễn ra. Đối với việc phát triển nhà ở DTTS, nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu đã tham gia để tìm ra giá trị kiến trúc của từng loại nhà ở phù hợp với từng dân tộc, thiết kế ra các mẫu nhà mới DTTS hiện đại, giúp kế thừa phát huy kiến trúc truyền thống, giữ được bản sắc dân tộc. Nhiều bản làng vùng sâu vùng xa thoát nghèo, nhưng bản làng nhỏ vùng sâu vùng xa được sát nhập, tái định cư xây dựng nơi ở mới; những bản làng còn giữ được bản sắc truyền thống, hạ tầng cơ sở cải thiện, được cải

tạo nhà ở, sửa chữa kiên cố, hoặc xây dựng mới với hình thức hiện đại hóa với mẫu nhà theo quy định, giữ gìn được giá trị nhà ở truyền thống. Nhà của DTTS kiên cố hóa, văn minh, sạch sẽ, đáp ứng nhu cầu ở của người dân thời nay.

Với lợi thế về chính sách DTTS, trong những năm vừa qua nhiều dự án vùng DTTS được tiến hành bao gồm thí điểm 1000 làng đặc trưng của các DTTS được bảo vệ và hiện đại hóa, xây dựng làng bản đặc trưng của đồng bào DTTS. 2.000 làng DTTS có điều kiện cơ bản tốt, bản sắc dân tộc đặc sắc, có kết quả phát triển nổi bật, có tính minh chứng và tác động mạnh mẽ để xây dựng thành các mô hình mẫu cho việc xây dựng làng đặc trưng DTTS. 200 thị trấn đặc trưng DTTS có điều kiện cơ bản tốt, phong tục tập quán dân tộc đậm đà, có tiềm năng phát triển lớn làm dự án thí điểm quốc gia, xây dựng thành mô hình xây dựng thị trấn đặc trưng dân tộc.



Hình 2. Một số mẫu nhà ở DTTS hiện đại đã kế thừa các chi tiết kiến trúc truyền thống [6]



Làng Hebian, ở thị trấn Mengban, huyện Mengla, tỉnh Vân Nam
Nguồn <http://www.xinhuanet.com>



Khu tái định cư xóa đói giảm nghèo ở Làng Xingfujia, xã Yuchong, huyện Dafang. Nguồn: <https://news.qq.com/>

Hình 3. Hình ảnh các ngôi làng DTTS được xây dựng lại trong chiến dịch Xóa đói giảm nghèo

- Tại Nhật Bản

Đất nước Nhật Bản khác với nhiều nước khác trong khu vực. Nhật Bản chỉ có 3 dân tộc, trong đó, người Yamato hay còn gọi là người Nhật (Wajin) là dân tộc chính, còn hai dân tộc thuộc nhóm thiểu số là người Ainu và Ryukyu. Người Ainu là dân tộc ít dân nhất có số dân khoảng 25.000 người, phân bố rải rác ở khu vực Hokkaido, quần đảo Kuril và đảo miền Nam Sakhalin. Người Ryukyu vốn sinh sống với lịch sử lâu dài, tập trung ở đảo Okinawa với dân số trên 1.000.000 người. Trước đây người Ainu bản địa và người Ryukyu thường sống độc lập thành từng cụm nhỏ, biệt lập từng khu vực. Hiện nay, họ sống xen kẽ với người Nhật Yamato và bản làng truyền thống của người Ainu không còn nữa. Khu vực của người Ryukyu vẫn giữ được hệ thống cung điện, làng bản và những công trình nhà ở.



Ngôi làng thời Satsumon của người Ainu [7]



Làng Birator 1930. Nguồn wikimedia.com

Hình 4. Bản làng của người Ainu trước kia

Trước đây, khu vực cư trú của người Ainu trong lưu vực hoặc gần các cửa sông, bờ biển, khu vực có nhiều nguồn nước. Đơn vị cơ bản của xã hội Ainu được gọi là kotan (làng, thôn), đây là một tổ chức quy mô nhỏ được cai trị bởi một người có quan hệ huyết thống (kotankorokuru). Mỗi làng, thôn có 5-7 nóc nhà, có lãnh thổ riêng, mỗi ngôi nhà có tên gọi là Cise. Nhà được làm từ vật liệu tự nhiên và có đặc điểm vùng miền, sự khác biệt do nguồn nguyên liệu từ thiên nhiên như tre, lá cây để lợp lá, lợp tường. Hiện nay, trải qua quá trình lịch sử, toàn bộ ngôi làng cũ của người Ainu bị phá vỡ, những ngôi làng truyền thống thực sự đã nhường chỗ cho những ngôi làng dân gian trưng bày du lịch[8]. Từ năm 2019 đến nay nhiều dự án bảo tồn văn hóa, công trình xây dựng liên quan đến gìn giữ văn hóa Ainu và phát triển du lịch đã được Chính phủ Nhật thông qua, điển hình là dự án phục dựng làng Ainu Kotan thuộc Vườn quốc gia Akan-Mashu được mở cửa vào năm 2020...



Hình 5. Nhà ở nông thôn Ainu năm 1963. Nguồn: flickr.com



Hình 6. Phục dựng làng Ainu Kotan, Vườn quốc gia Akan-Mashu. Nguồn: klook.com

Người Ryukyu sơ khai sống trong những ngôi nhà tranh, qua nhiều năm thăng người dân đã phát triển kiến trúc theo mô hình kiến trúc Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc. Các ngôi làng có tường đá san hô cao, có cấu trúc tương tự như người Yami ở Đảo Hoa Lan, Đài Loan [9]. Khu vực cư trú nằm rải rác trong quần đảo, được xây dựng thiết kế có trật tự với đường giao thông dạng ô cờ. Làng thường được định cư ở nơi có vùng đất bằng phẳng, hoặc vùng đất cát nơi có nhiều phù sa ven biển. Bao bọc ngôi làng là vành đai cây rừng, có chức năng bảo vệ ngôi làng dưới thời tiết khắc

nghiệt. Theo Nakamatsu (1977), tồn tại khoảng 180 ngôi làng được quy hoạch theo mạng lưới ở Quần đảo Ryukyu [10]. Mỗi làng là một dòng họ, được xây dựng dựa theo huyết thống. Trong làng có một "otake" là nơi thờ cúng của làng. Những ngôi nhà cổ, xây dựng lâu đời thường nằm ở khu vực phía sâu bên trong làng, nơi có cốt đất cao hơn, bao bọc phía trước là các ngôi nhà mới xây trong dòng họ [11]. Nhà cửa Ryukyu lợp ngói đỏ, tượng chó shisa trên mái nhà, những con đường trong làng và những bức tường đá san hô [11]. Mặc dù những ngôi làng còn giữ được công trình kiến trúc nhưng cơ cấu tổ chức xã hội đang tan rã trong thời kỳ hiện đại, cộng đồng làng xã bị bỏ bê, các nghi lễ, lễ hội mất dần [11].



Phục dựng ngôi nhà cổ người Ryukyu, nhà gỗ mái tranh. Nguồn: www.dreamstime.com



Nhà ở người dân Boatman's House trên đảo Geruma. Ban đầu là mái nhà tranh, sau được chỉnh sửa bằng mái ngói đỏ vào thời Taisho, được xây dựng cuối TK19. [11]



Đảo Taketomi vẫn giữ được cảnh quan thị trấn đặc trưng của Okinawa, phát triển du lịch. Nguồn: www.stayfolio.com



Tổng mặt bằng nhà ở thuộc đảo Tonaki [10]



Làng Bise - 2025. Nguồn Google earth

Hình 7. Các công trình kiến trúc của người Ryukyu

Hiểu rõ những giá trị về kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên ở khu vực quần đảo Okinawa, người dân và các cấp chính quyền đã lập ra các hiến chương để bảo vệ hòn đảo như hiến chương Taketomi 1986 được viết lại năm 2017, hiến pháp Miyara 1984, hiến chương Kouri 2009, hiến chương đảo Ishigaki 2007, Shiraho Yuratic 2007, Hatoma 2007..... [12] Trong đó có ghi rõ về bảo vệ kiến trúc khu vực các quần đảo, quy định về dạng vật liệu mái ngói đỏ, tường đá, tường bằng san hô địa phương, cảnh quan có trải cát trắng, loại cây trồng.... Các tòa nhà mới, việc cải tạo, mở rộng và sửa chữa sẽ tuân theo các kỹ thuật và phong cách truyền thống, bảo vệ thiên nhiên phong phú và cảnh quan sinh thái môi trường [12]. Hiện nay 80% ngôi nhà ở Okinawa đã được xây dựng bằng vật liệu bê tông, thay cho vật liệu truyền thống gỗ, nhà ở kiên cố hơn, khả năng chống chịu cao với gió bão và khí hậu cận nhiệt đới nóng ẩm đặc trưng của Okinawa. Nhiều chính sách được nhà nước ban hành để bảo vệ các di sản của người Ryukyu, trong đó có nhà ở. Năm 2015, Sở Xây dựng và kiến trúc Okinawa phát hành sách: "Hướng dẫn xây dựng ngôi nhà gắn liền với văn hóa địa phương" trong đó có miêu tả về khí hậu điều kiện tự nhiên khu vực; hướng dẫn xây dựng một ngôi nhà phù hợp khí hậu địa phương, luật tiết kiệm năng lượng, để xuất các mẫu nhà, phương án phù hợp với khí hậu địa phương và các hệ thống chứng nhận [13].

- Tại CHLB Đức

Đức có 4 DTTS được công nhận, bao gồm người Đan Mạch, người Frisia, người Sorbs, nhóm cộng đồng người Sinti và Roma ở Đức. Đây là những công dân Đức, có nền bản sắc, văn hóa, lịch sử, tiếng nói riêng biệt và luôn mong muốn duy trì bản sắc này, định cư lâu đời trong nhiều thế kỷ, sinh sống tại các khu ở truyền thống. Người Đan Mạch, người Frisia, người Sorbs, thường định cư tập trung một số khu vực riêng về mặt địa lý, ở khu vực biên giới; người Sinti và người Đức gốc Roma sống xen kẽ nhóm nhỏ với người Đức ở hầu hết nước Đức [14]. Quy mô của các nhóm DTTS ở Đức chỉ là ước tính, không có số liệu thống kê dân số hoặc kinh tế xã hội nào trên cơ sở sắc tộc được tập hợp tại Cộng hòa Liên bang Đức kể từ khi kết thúc Thế chiến thứ hai. Một lý do cho điều này là sự đàn áp các DTTS dưới chế độ Đức Quốc xã; một lý do khác là sự can thiệp của luật pháp quốc tế [14].

Mỗi dân tộc có hình thức nhà ở riêng biệt. Nhà ở người Sorbs được xây dựng bằng gạch hoặc gỗ có mái ngói, các phòng rộng, và sân sau rộng rãi, cư trú tập trung thành làng như Schleife, Crostwitz, Ralbitz.. Người Sinti thường sống trong các trại dân cư hoặc nhà di động, dễ di chuyển để thích nghi các điều kiện sống khác nhau. Nhà ở Người Đan Mạch thường có kiểu kiến trúc truyền thống, với mái dốc bằng ngói, cửa sổ lớn, màu sắc tươi sáng. Người Frisia có nền văn hóa và kiến trúc đa dạng, được xây dựng bằng gỗ, có mái chóp cao bằng cỏ, hay các ngôi nhà đến Hà Lan và Đông Frisia. Những ngôi làng còn gìn giữ được kiến trúc độc đáo kể đến như làng Nieblum, Ovenum, Wyk...

Việc xây dựng nhà ở (bao gồm cả nhà của các cộng đồng DTTS) phải tuân theo các quy định chung trong Luật Xây dựng Đức (Baugesetzbuch - BauGB) và Quy chuẩn Xây dựng của từng bang (Landesbauordnung - LBO). Các quy định này tập trung vào các yếu tố như: mật độ xây dựng, khoảng cách giữa các công trình, an toàn kết cấu, phòng cháy chữa cháy, thông gió, tính hài hòa với cảnh quan đô thị (đặc biệt ở các khu vực lịch sử hoặc bảo tồn). Bên cạnh đó, ở một số khu vực có ý nghĩa văn hóa hoặc lịch sử, nếu cộng đồng DTTS muốn bảo tồn lối kiến trúc truyền thống của mình, chính quyền địa phương luôn có sự hỗ trợ, cấp phép theo từng trường hợp cụ thể.

Ngày nay, cộng đồng DTTS ở khu vực nông thôn, vùng ranh giới giữa các nước, địa hình bằng phẳng, tập trung thành cụm, xung quanh là cánh đồng trồng trọt, chăn nuôi. Do bị ảnh hưởng tàn phá của chiến tranh nên nhiều làng được tái thiết xây dựng lại trong các giai đoạn từ thế kỷ thứ 17-19. Nhà cửa kiên cố, thống nhất cùng một hai loại hình nhà trong cùng một làng. Nhà ở thường mang dáng dấp truyền thống cổ điển, có chiều cao 2-3 tầng, mái dốc lớn, sân vườn rộng, bao quanh nhà là ranh giới mềm xanh mát. Cảnh quan làng thường thoáng đạt với mật độ xây dựng thấp, đường xá rộng rãi có vỉa hè. Nhà ở DTTS được chiếu theo luật của NONT, luật xây dựng, luật bảo tồn, luật bảo vệ di tích và nhiều luật khác... vì vậy việc xây mới hoặc mở rộng khu vực cư trú của DTTS cần phải lập kế hoạch phát triển, phải ràng buộc về nhiều mặt pháp lý như loại hình nhà ở, phạm vi, quy mô ngôi nhà, kiến trúc nhà, mật độ xây dựng, mật độ, màu sắc, kiểm soát ô nhiễm, cây cối cảnh quan, giao thông,... [15] theo quy định riêng về xây dựng của từng khu vực. Hạn chế xây dựng tự phát nhà ở. Nhiều ngôi nhà với kiến trúc bản địa, có tuổi đời từ 50 đến trên 200 năm vẫn bền vững với thời gian do luôn được tu sửa thường xuyên, điển hình như làng người Frisia - Nieblum các ngôi nhà được xây dựng từ những năm 1780 trở lại đây, là những nơi thu hút để phát triển du lịch văn hóa dân tộc. Thách thức lớn hiện nay ở Đức là việc già hóa ở khu vực nông thôn ngày càng cao, nhiều ngôi nhà bị bỏ trống, các gia đình hạt nhân trẻ rời bỏ khu vực nông thôn không kế nghiệp gia đình theo nghề nông, làm thợ mộc... để vào thành phố lớn sinh sống, làm việc khiến tính gắn kết cộng đồng bị lỏng lẻo, nhà cửa xuống cấp, bỏ hoang.



Làng Halbendorf, người Sorbs. Cư dân chủ yếu sống từ nông lâm nghiệp. Do chiến tranh và hỏa hoạn năm 1753, làng được tái xây dựng vào năm 1785, dưới cấu trúc tuyến phố (Straßendorf), nhà bố trí đều dọc hai bên. Nguồn: Google earth



Làng Ralbitz - Rosenthaln [15], người Sorbs. Cấu trúc dạng tập trung có lõi. Trung tâm lõi là các công trình công cộng như nhà thờ, hoặc các công trình công cộng.

Hình 8. Cấu trúc quy hoạch làng DTTS người Sorbs



Nordermarkt at dawn, Flensburg - Người Đan Mạch. Nguồn: Google



Nhà ở người Frisia tại Làng Nieblum. Nguồn: www.dw.com



Làng Beilngries, người Roma[16]

Hình 9. Kiến trúc nhà ở nhóm DTTS tại Đức

- Nhận xét, đánh giá

Qua tình hình xây dựng và phát triển nhà ở DTTS tại một số nước trên thế giới nhận thấy chính phủ các nước đều đang có những định hướng phù hợp bởi cảnh xã hội, hoàn cảnh đất nước mình. Đối với nước Đức và nhiều nước thuộc châu Âu, quá trình phát triển nhà ở DTTS đã trải qua một giai đoạn dài, nhà ở được tái thiết xây dựng lại sau chiến tranh thế giới thứ hai, dưới các đạo luật chặt chẽ về như luật Di sản, luật Xây dựng, các công ước về bảo tồn, bảo vệ di sản ... cùng sự chủ động tự nguyện của cộng đồng, kiến trúc truyền thống vẫn luôn được gìn giữ và bảo tồn. Dưới sự kiểm soát chặt của chính quyền việc về việc quản lý xây dựng giúp cho mật độ xây dựng phù hợp khu vực nông thôn, nhà cửa không tự phát xây dựng. Hạ tầng, đường sá, các công trình công cộng liên kết thuận tiện với tuyến đường giao thông chính của đô thị. Cảnh quan thiên nhiên làng được gìn giữ, bảo vệ. Sự thống nhất giữa con người, văn hóa, phong tục tập quán, nhà ở của từng làng đã giúp tạo cho một bức tranh làng dân tộc nông thôn yên bình.

Đối với một số nước ở châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản là những quốc gia đang giai đoạn thực hiện các chiến dịch hỗ trợ cộng đồng DTTS, tái thiết xây dựng mạnh mẽ các nhà ở khu vực

nông thôn, khu vực nhà ở DTTS không đủ điều kiện sinh sống. Để bảo tồn cảnh quan, kiến trúc khu vực DTTS, các nước đều có sự chỉ đạo, hướng dẫn, quy định chặt chẽ của Chính phủ, các Bộ, ban ngành liên quan. Cấu trúc nhà ở, bản, làng tái thiết phù hợp với từng đối tượng dân tộc. Việc nghiên cứu các mẫu nhà phù hợp với từng DTTS được làm kỹ lưỡng, bài bản, do Sở Xây dựng, các trường đại học, viện nghiên cứu hàng đầu của quốc gia.

Nhận thấy, việc bảo tồn và kế thừa giá trị văn hóa bản sắc dân tộc cần có sự nhận diện đúng về giá trị quy hoạch làng truyền thống, giá trị kiến trúc NOTT, giá trị văn hóa, đồng thời cần phải cân bằng với việc xây dựng, phát triển mở rộng không gian làng, khai thác được tiềm năng giá trị kinh tế du lịch, phát triển làng nghề DTTS trong thời kỳ hiện đại nông thôn. Phát triển nhà ở DTTS không phải là làm mới hoàn toàn những giá trị truyền thống, không phải xây dựng mới làng xã thành đô thị hiện đại hoàn toàn mà là một quá trình phát triển xã hội bền vững tạo những giá trị về sử dụng, kiến trúc, nghệ thuật, kỹ thuật,...

3. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Qua tình hình xây dựng phát triển kiến trúc nhà ở DTTS tại một số nước trên thế giới, có thể rút ra bài học kinh nghiệm cho xây dựng phát triển kiến trúc nhà ở DTTS tại Việt Nam như sau:

- Bài học thứ nhất về tổ chức không gian kiến trúc làng bản:

- o Sát nhập bản, làng nhỏ lẻ, ít dân, có vị trí không thuận tiện về giao thông, cơ sở hạ tầng yếu kém, các khu vực hay gặp thiên tai không đáp ứng được điều kiện, sinh hoạt, lao động [7]. Cấu trúc nhà ở, bản, làng tái thiết phù hợp với từng đối tượng dân tộc.

- o Định hình phát triển làng DTTS phải kết hợp với không gian cây xanh, cảnh quan thiên nhiên đặc thù mang tính địa phương, khu vực thuận lợi phát triển sinh kế, phù hợp phong tục tập quán của người dân.

- o Hạn chế mở rộng các quỹ đất nhà ở tự phát, kiểm soát kỹ các dự án xây dựng nhà ở mới.

- o Đường sá giao thông thuận tiện, dễ tiếp cận. Mạng lưới giao thông kết nối với giao thông công cộng của tuyến huyện, thành phố một cách dễ dàng. Hệ thống giao thông cần phù hợp hình thái địa hình.

- o Về cảnh quan thiên nhiên: Phối hợp quản lý hệ thống sinh thái như núi, sông, rừng, đồng ruộng, ruộng bậc thang, hồ nước và đồng cỏ, đồng thời tối ưu hóa hệ thống hàng rào an ninh sinh thái. Đẩy mạnh toàn diện trồng rừng nông thôn, xây dựng cảnh quan mang đặc trưng bản làng DTTS.

- Bài học thứ hai về xây dựng nhà ở:

- o Bảo vệ những ngôi nhà truyền thống đặc sắc là biện pháp quan trọng để bảo vệ văn hóa dân tộc, được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau, trùng tu theo từng loại hình, bảo vệ phương pháp xây dựng, kỹ thuật xây dựng truyền thống, giữ gìn kiến trúc làng quê và cảnh quan nông thôn hài hòa với thiên nhiên. [7]

- o Phân loại nhà ở DTTS để bảo vệ và kế thừa phát triển phù hợp với điều kiện thực tế từng vùng: i) Loại được gìn giữ và bảo tồn nguyên vẹn; ii) Loại kết hợp giữa truyền thống và mới; iii) Loại kế thừa kiến trúc và đổi mới. [8]

- o Tăng cường bảo vệ nhà ở truyền thống của các DTTS. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về bảo vệ và phát triển nhà ở dân tộc tại các làng, thị trấn đặc trưng. Bảo tồn các kỹ thuật xây dựng truyền thống, giữ gìn phong cách kiến trúc dân gian, đảm bảo sự hài hòa với hệ sinh thái tự nhiên và phù hợp với văn hóa dân tộc. Qua đó, hình thành các quần thể kiến trúc mang đậm bản sắc dân tộc. [8]

- o Thúc đẩy cải tạo nhà ở DTTS nơi nhà ở đã xuống cấp ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân. Đối với nhà ở cũ, cần duy trì phong cách kiến trúc truyền thống của dân tộc; đối với nhà ở mới, cần thể hiện rõ nét bản sắc dân tộc. Đồng thời, cải thiện bố cục không gian và trang thiết bị bên trong, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hiện đại, đảm bảo tiêu chí tiết kiệm năng lượng, giữ nhiệt và chống động đất. [8]

o Đối với công trình nhà ở lâu đời có giá trị lịch sử, văn hóa, cần áp dụng phương pháp bảo tồn di tích, thực hiện chọn lọc các biện pháp sửa chữa, gia cố, loại bỏ nguy cơ hỏa hoạn. Hình thức truyền thống cần được bảo tồn nguyên vẹn càng nhiều càng tốt [7]. Bảo vệ các công trình cổ có giá trị lịch sử và văn hóa, gia cố an toàn, tu sửa nhà ở và kiến trúc đặc trưng trong làng, thị trấn. [8]

o Tại các khu vực DTTS được quy hoạch phát triển du lịch, những công trình không mang hình thức đặc điểm dân tộc được cải tạo, trang trí mặt đứng công trình để hài hòa môi trường khu vực bản làng. [7]

o Hạn chế xây dựng thêm nhà ở tự phát, mua bán nhà ở tự phát. Nhà ở được xây dựng theo quy định chặt chẽ của từng khu vực. Quy định về vật liệu bản địa, hình thức kiến trúc, màu sắc, loại cây trồng, các tòa nhà mới, việc cải tạo, mở rộng và sửa chữa sẽ tuân theo các kỹ thuật và phong cách truyền thống, bảo vệ thiên nhiên phong phú và cảnh quan sinh thái môi trường [12].

o Về bảo tồn nhà ở DTTS: có định hướng về bảo tồn không gian nhà ở DTTS bằng các hình thức: bảo tồn nguyên trạng, bảo tồn trên cơ sở kế thừa, bảo tồn thích ứng... để phù hợp cho các giai đoạn phát triển của xã hội. Việc bảo tồn cần được mở rộng thành tuyến phố, một cụm, một làng xóm, trong đó bao gồm cả cảnh quan trong không gian ngôi nhà, hoặc cảnh quan làng xã..

o Diện mạo của những ngôi nhà mới vẫn giữ được nét truyền thống bằng cách sử dụng một số yếu tố kiến trúc dân tộc, nhưng cách bố trí không gian bên trong và các tiện nghi phải thích ứng với cuộc sống hiện đại, đồng thời cũng có thể sử dụng vật liệu xây dựng hiện đại trong kết cấu chính. Khi thiết kế và xây dựng nhà ở mới, cần phải áp dụng đồng bộ nhiều công nghệ phù hợp, vật liệu mới bền vững để đáp ứng yêu cầu tiết kiệm năng lượng và cách nhiệt, chống động đất, phù hợp biến đổi khí hậu, tiết kiệm và thẩm mỹ, tiện nghi, bền vững và bảo vệ môi trường. [7] [13]

- *Bài học thứ ba về công tác quản lý:*

o Chiến lược quy hoạch, bảo tồn, định hướng sự phát triển của các khu vực cộng đồng DTTS khác nhau phù hợp với từng dân tộc, địa phương, từng vùng miền; được tham chiếu dưới đạo luật Di sản, luật Xây dựng, công ước bảo tồn, bảo vệ di sản,... [17]

o Đối với người thiết kế dự án, quản lý, thực hiện dự án: Khi thực hiện cải tạo, xây dựng NONT, các địa phương thực hiện theo nguyên tắc theo đặc điểm của từng dân tộc. Ở những vùng có đồng DTTS, việc cải tạo NONT được xác định dựa trên đặc điểm dân tộc địa phương và kiểu xây dựng mới; các khu vực khác thực hiện cải tạo, xây dựng mới theo kiểu được xác định bởi phong cách phân vùng, đồng thời thực hiện theo quy hoạch. Các giải pháp thiết kế cần thích ứng với điều kiện địa phương và phản ánh được đặc điểm khu vực, đặc điểm địa hình. Hình thức kiến trúc, cảnh quan, phải kế thừa bối cảnh văn hóa và phải làm nổi bật những đặc trưng văn hóa, đặc biệt là phong cách kiến trúc NONT cần được kế thừa

o Kiểm soát kỹ các dự án xây dựng nhà ở mới. Kiểm soát chặt chẽ về giấy phép xây dựng các công trình xây dựng nhà ở với nhiều quy định bao gồm mật độ xây dựng, về hình thức nhà ở, vật liệu, màu sắc, mái nhà, khoảng lùi, kiến trúc... Chính quyền và các cán bộ chuyên môn cần ban hành tài liệu hướng dẫn cải tạo nhà ở, xây dựng mới, mẫu nhà phù hợp với bản sắc của từng dân tộc, từng vùng miền. [7] [13]

o Việc bảo tồn và kế thừa giá trị văn hóa bản sắc dân tộc có sự nhận diện đúng về giá trị quy hoạch làng truyền thống, giá trị kiến trúc NONT, giá trị văn hóa, đồng thời cân bằng với việc xây dựng, phát triển mở rộng không gian làng, khai thác được tiềm năng giá trị kinh tế như phát triển du lịch, phát triển nghề truyền thống, phát triển nông lâm nghiệp cho cộng đồng DTTS trong thời kỳ hiện đại nông thôn.

o Chính quyền địa phương cần khuyến khích sự tham gia của cộng đồng DTTS trong quá trình xây dựng phát triển bền vững nhà

ở nhằm giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa kiến trúc truyền thống bản địa.

o Xây dựng hệ thống mạng lưới du lịch cộng đồng giúp tạo điều kiện phát triển kinh tế địa phương.

4. KẾT LUẬN

Kiến trúc nhà ở của các DTTS không chỉ là sự thích ứng với môi trường mà còn là biểu tượng của bản sắc văn hóa, phản ánh truyền thống, tập quán và tri thức bản địa của từng dân tộc trong hàng ngàn năm phát triển. Trước sự tác động mạnh mẽ của đô thị hóa và hiện đại hóa, việc bảo tồn và phát triển kiến trúc này trở thành một thách thức lớn. Hiện nay, số lượng nhà ở truyền thống DTTS còn rất ít, đa phần người dân không có nhu cầu xây dựng nhà ở truyền thống, do nhà ở truyền thống không đáp ứng được nhu cầu mới của cuộc sống, mức phí xây dựng cao, do sự thay đổi về nhu cầu nhà ở. Bên cạnh đó, nhiều chính sách về phát triển nhà ở DTTS ở nước ta còn chưa hoàn chỉnh, còn lỏng lẻo, chậm hơn so với việc phát triển thực tiễn nên không quản lý được việc xây dựng nhà ở, các giải pháp về hướng dẫn thiết kế nhà ở cho cộng đồng DTTS chưa thực sự phù hợp cho từng dân tộc riêng biệt. Cộng đồng DTTS chưa hiểu hết được giá trị bản sắc dân tộc, dẫn đến việc xây dựng và phát triển nhà ở còn theo dạng cá thể riêng biệt, không có sự thống nhất với cảnh quan thiên nhiên hoặc hình thái bản làng đã có.

Vi vậy, việc nghiên cứu tình hình xây dựng và phát triển kiến trúc nhà ở DTTS ở một số nước trên thế giới là cần thiết, nhằm rút ra các bài học để Việt Nam tham khảo. Từ đó để ra các giải pháp, chính sách phù hợp, dưới bối cảnh hiện nay khi tốc độ phát triển các khu vực DTTS miền núi rất nhanh, khó kiểm soát.

Bài báo đã rút ra 03 bài học kinh nghiệm cho xây dựng phát triển kiến trúc nhà ở DTTS tại Việt Nam: bài học thứ nhất về tổ chức không gian kiến trúc bản làng; bài học thứ hai về xây dựng nhà ở; bài học thứ ba về công tác quản lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Quốc, C.p.T., *Chính sách dân tộc của Trung Quốc- Thịnh vượng và phát triển với tất cả các dân tộc*. 2009: Bắc Kinh.
- [2]. Evergrande, T.d. *Kiến trúc Quý Châu Phần 3: Đặc điểm cấu trúc của các tòa nhà dân tộc thiểu số ở Quý Châu*. 2018; Available from: <https://www.sohu.com>.
- [3]. Ngô Lệ Bình, L.C., Tân Chấn. *Làng Đại Trại, Quảng Tây*. 2023; Available from: <https://m.whw.kim/>.
- [4]. chinawu. *Thạch Đầu Trại - Quý Châu*. 2019; Available from: <https://www.chinawu.com>.
- [5]. Quốc, ù.b.d.t.Ú.T., *Đề cương và kế hoạch Bảo vệ và phát triển làng DTTS có bản sắc riêng (2011-2015)*.
- [6]. Tây, C.P.t.N.ở.v.Đ.t.-N.t.t.Q., *Hướng dẫn kiểm soát phong cách đặc trưng nhà ở nông thôn - Khu tự trị dân tộc Zhuang Quảng Tây*. p. 2020.
- [7]. Culture, T.F.f.A., *Ainu people- History and Culture*. 2023.
- [8]. Tota. *Ainu Society*. Available from: <https://www.tota.world>.
- [9]. Wikipedia. *Ryukyans*. Available from: <https://en.wikipedia.org>.
- [10]. Chen, B. and G. Kurima, *Layout and composition of house-embracing trees in an island Feng Shui village in Okinawa, Japan*, in *Urban Forestry & Urban Greening* 7. 2008.
- [11]. Nakamatsu, Y., *The Structural Character of the Village in the Ryukyu Islands*. Japanese Journal of Human Geography, 1964.
- [12]. Á, H.h.n.c.g.d.x.h.Đ. *Tổng hợp Các hiến chương về bảo vệ các hòn đảo thuộc Okinawa*. Available from: <http://bunjinn-k.net>.
- [13]. Okinawa, S.k.t.v.x.d., *Handbook for the Development of Housing Based on Local Culture Okinawa*. 2015.
- [14]. Interior, F.M.o.t., *National Minorities in Germany*.
- [15]. Flensburg. *Bauleitplanung und Satzungen*.
- [16]. Altmühlal-Panoramaweg: *Abschnitt Beilngries - Dietfurt*. Available from: <https://www.naturpark-almuehlal.de>.
- [17]. l'europe, C.o.t.e.c.d., *The rural heritage*. 1983: Strasbourg.